

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/HS-ST

Ngày: 24-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Bích Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2020/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, Phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; Vợ tên Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1989 và có một con tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh năm 2016; Tiền sự: Ngày 31/3/2020 bị Công an Phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo chưa chấp hành.

- Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1968; HKTT: Ấp 1, xã T, huyện TH, tỉnh Long An. Hiện đang công tác tại Công an huyện TH; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An (Có mặt).

- Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1999; HKTT: Số 116 Huỳnh Văn Gấm, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An. Hiện đang công tác tại Công an huyện TH; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An (Có mặt).

- Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1997; HKTT: Ấp 2, xã TH, huyện TH, tỉnh Long An. Hiện đang công tác tại Công an huyện TH; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn K đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện TH, tỉnh Long An để điều tra về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Vào ngày 25/6/2020, K bị bệnh nên được cán bộ Nhà tạm giữ trích xuất từ Nhà tạm giữ, Công an huyện TH đưa đến Trung tâm y tế huyện TH, tỉnh Long An để khám bệnh, sau khi khám thì Khanh nhập viện và nằm điều trị tại Phòng số 28, khoa Nội. Nhà tạm giữ phân công cán bộ là ông Đỗ Văn N và 02 chiến sĩ Nguyễn Công T, Lê Ngọc H quản lý, canh giữ bị cáo Khanh và bị can Lê Vũ L bị bệnh đang điều trị chung. K được bố trí nằm trên giường bệnh gần vách tường, bị khóa tay trái vào thanh kim loại đầu giường bằng khóa số 8 (Còng số 8). Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 28/6/2020, K được ông T cho uống thuốc, đi vệ sinh rồi quay lại khóa tay vào thanh giường. Do sơ xuất nên ông T chỉ khóa mà không bóp sát vào tay. Đến khoảng 01 giờ 00 phút cùng ngày, tay bị khóa của K bị tê nên K cử động mạnh thì khóa số 8 lỏng có thể kéo trượt cổ tay ra khỏi khóa, thấy có thể tháo khóa ra khỏi tay nên K nảy sinh ý định bỏ trốn. K dùng tay phải đẩy khóa số 8 ra khỏi tay trái. K quan sát thấy 03 cán bộ và bị can L ngủ say nên K xuống giường bỏ trốn đi ra khỏi Trung tâm y tế huyện TH. K đi bộ hướng ra Quốc lộ N2 rồi đón xe ô tô tải của người lạ không biết tên và địa chỉ để về nhà. Khi về đến nhà K, gặp ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H là cha mẹ ruột của K và Nguyễn Thị Ánh N là vợ của K. K nói cho họ biết việc K vừa trốn khỏi Nhà tạm giữ Công an huyện TH, ông M, bà H và bà N khuyên K đi đầu thú nhưng K không đồng ý. Bà H cho K 100.000 đồng (một trăm nghìn

đồng) đồng thời đưa cho Nguyễn Văn K 01 giấy chứng minh nhân dân của K. Lúc này, Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú tại Khu phố 5, Phường 1, thị xã KT, Long An (là em ruột K) biết K trốn nên về nhà để gặp K. Lúc gặp nhau, K bảo T chở K đi trốn, T đồng ý và cho K 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để tiêu xài, đồng thời T chở K ra bến xe thị xã KT để K đón xe đi Thành phố H. Khi đi, K nói T điện thoại cho Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú tại Khu phố 5, Phường 1, thị xã KT Long An, đang làm công nhân và ở trọ tại Phường 4, thành phố TA, Long An (là em ruột K) hẹn gặp nhau ở vòng xoay A, Thành phố H. Sau khi chở K ra bến xe, T quay về rủ bạn trai là Dương Phát L, sinh năm 1994; Hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, Phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An cùng đi lên thành phố H gặp K. Khi K lên đến vòng xoay A thì gặp T1 vợ T1 là Đặng Thị Trúc N1, sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú tại Khu phố 2, Phường 1, thị xã KT, Long An cùng với T và L. Khi gặp nhau ở vòng xoay A, cả nhóm vào quán để uống nước và nói chuyện, K bảo Long liên lạc với người bạn tên Bi (không rõ họ tên, địa chỉ) ở thành phố B, Đồng Nai để ở và tìm việc làm. Khi liên lạc được với Bi thì cả nhóm chạy xe mô tô lên Đồng Nai. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, cả nhóm gặp Bi tại Đồng Nai, khi gặp K nhờ Bi tìm việc làm và nhà trọ. Sau đó, cả nhóm vào quán ăn uống (không rõ tên, địa chỉ quán) đến khoảng 18 giờ cùng ngày, L và T cho K thêm 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) rồi cả hai ra về. K cùng vợ chồng T1 ở lại qua đêm tại Đồng Nai. Đến sáng ngày 29/6/2020, K bảo T1 kiểm cho mấy bộ quần áo thì T1 nói về nhà trọ T1 sẽ lấy cho. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Khanh đi xe buýt còn vợ chồng T1 đi xe mô tô quay về nhà trọ ở Phường 4, thành phố TA, Long An. Khi K về đến nhà trọ Tài thì đã thấy Tài soạn sẵn quần áo và đưa cho K cùng với 01 điện thoại di động hiệu Jap mobile màu đen không có sim. Khi lấy đồ xong được 10 phút thì K bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Vật chứng trong vụ án:

Quá trình khám nghiệm Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (Một) khóa số 8 (còn tay số 8) bằng kim loại, trên khóa có khắc các dòng chữ “VIENKYTHUATCONGAN, “KC97, “CALA0455”.

Ngoài ra, còn thu giữ trong người của Nguyễn Văn K 01 (Một) ĐTDĐ hiệu Jap Mobile màu đen; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân; 1.060.000 đồng (một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TH đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại:

+ 01 khóa số 8 (còng tay) bằng kim loại cho Công an huyện TH do ông Đỗ Văn N là cán bộ cơ quan Cảnh Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp thuộc Công an huyện TH đại diện nhận xong.

+ 01 (Một) ĐTDĐ hiệu Jap Mobile màu đen; 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn K; 1.060.000 đồng (một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) cho chủ sở hữu là Nguyễn Văn Khanh.

- Tại bản Cáo trạng số 22/CT- VKS ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa để xét xử bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ” theo khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thấy rằng việc truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn K là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố.

- Qua quá trình tranh tụng, Kiểm sát viên căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại các Điều 51, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị như sau:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết sau: Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại các điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn K không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu bị cáo có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và hiện đang bị điều tra về hành vi trộm cắp tài sản.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

- Về vật chứng trong vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật nên không đề nghị xem xét.

Đối với hành vi Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ánh N, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Văn T có hành vi che giấu cho bị can Nguyễn Văn K bỏ trốn. Tuy nhiên, hành vi trên không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi Dương Phát L, Đặng Thị Trúc N có hành vi che giấu cho bị can Nguyễn Văn K bỏ trốn. Tuy nhiên, hành vi của L, N không phạm vào tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại Điều 389 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” của Nguyễn Văn K đã bị bắt giam trước đó đã được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kiến Tường nhập vụ án điều tra theo quy định pháp luật.

- Bị cáo nhận tội và thống nhất với ý kiến luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo không có tranh luận gì.

- Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về, có điều kiện để làm lại cuộc đời lo cho cha mẹ, vợ con và trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện là đúng theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng nên là hợp pháp.

[2] Xem xét, thẩm tra, đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Trước toà, bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Cụ thể là vào khoảng 01 giờ ngày 28/6/2020, lợi dụng sơ hở của cán bộ

quản lý đã bỏ trốn khi đang nằm điều trị bệnh, đến ngày 29/6/2020 thì bị bắt trở lại.

- Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn K trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan; phù hợp cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp nội dung Cáo trạng.

- Trên cơ sở đó, thấy rằng Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ” theo khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm, đề nghị của Kiểm sát viên, căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo đang bị tạm giam biết rõ việc trốn khỏi nơi giam và chữa bệnh là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, sau khi bỏ trốn được cha mẹ bị cáo, cơ quan chức năng vận động ra đầu thú nhưng bị cáo quyết tâm bỏ trốn. Sau khi bị bắt để điều tra về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo không những không ăn năn về hành vi phạm tội của mình mà lại tiếp tục bỏ trốn. Hành vi bỏ trốn của bị cáo ngoài việc xâm phạm đến chế độ tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra truy tố, xét xử còn xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan tiến hành tố tụng, gây khó khăn cho cơ quan điều tra kéo dài thời gian giải quyết vụ án, gây ảnh hưởng lớn đến tâm lý của các bị can đang bị tạm giam khác; đe dọa xâm phạm trật tự xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt thỏa đáng để cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình xã hội sau này.

- Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có cân nhắc xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng cũng như các tình tiết tăng nặng mà bị cáo phải chịu để có quyết định hợp tình, đúng quy định của pháp luật.

- Thấy rằng, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K tuy là ít nghiêm trọng nhưng thể hiện sự coi thường pháp luật, về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu đã có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép ma túy, bị cáo chưa chấp hành và đang bị khởi tố điều tra về hành vi trộm cắp tài sản. Lẽ ra, bị cáo phải biết sai

trái, hồi cải để sửa đổi làm công dân tốt, thế nhưng bị cáo không những không sửa đổi mà tiếp tục vi phạm. Nên thấy rằng, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo để bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội sau này.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn và các đề nghị khác đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về vật chứng trong vụ án:

Căn cứ Điều 89, 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Cơ quan cảnh sát Điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả 01 (Một) khóa số 8 (còng tay) bằng kim loại, trên khóa có khắc các dòng chữ “VIENKYTHUATCONGAN, “KC97, “CALA0455” cho Công An huyện Thanh Hóa; trả cho Nguyễn Văn K 01 (Một) điện thoại di động hiệu Jap Mobile màu đen; 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân; 1.060.000 đồng (một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) đúng theo quy định của pháp luật nên không xem xét lại.

[5] Các vấn đề khác có liên quan:

Đối với hành vi Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ánh N, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Văn T có hành vi che giấu cho bị can Nguyễn Văn K bỏ trốn. Tuy nhiên, hành vi trên không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi Dương Phát L, Đặng Thị Trúc N có hành vi che giấu cho bị cáo Nguyễn Văn K bỏ trốn. Tuy nhiên, hành vi của L, N không phạm vào tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại Điều 389 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” của Nguyễn Văn K đã bị bắt giam trước đó đã được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K nhập vụ án điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với các ông Đỗ Văn N, ông Nguyễn Công T, ông Lê Ngọc H, là Cán bộ Cơ quan Cảnh sát Hỗ trợ tư pháp – Thi hành án thuộc Công an huyện TH,

tỉnh Long An, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm y tế đã có sự sơ hở, thiếu sót, đồng thời do điều kiện phòng bệnh chưa đảm bảo nên Nguyễn Văn K đã có hành vi bỏ trốn khỏi nơi giam và chữa bệnh. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của K chưa gây thiệt hại gì khác. Đối với hành vi này sẽ do Cơ quan quản lý cán bộ có thẩm quyền xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 386; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội *“Trốn khỏi nơi giam, giữ”*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 09 (chín) tháng tù về tội *“Trốn khỏi nơi giam giữ”*, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 9 năm 2020) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về án phí:

- Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 20 Luật phí, và lệ phí; điểm a khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo:

- Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền

lợi, nghĩa vụ của mình. Người có mặt thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

4. Công tác thi hành án:

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Công an huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Bị cáo;
- Những người TGTG khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đình Ngân